

QUỸ ETF MAFM VN30

Số/No.: 151/2024/CV-MAFM

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2024
Hanoi, day 16 month 02 year 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT AFTER
EXCHANGE TRADING

Kính gửi/To: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*
Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ *State Securities Commission*

- Tên CTQLQ/ *Fund Management company*: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)
- Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank*: Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam
- Tên Quỹ ETF/ *ETF name*: Quỹ ETF MAFM VN30
- Mã chứng khoán/ *Securities symbols*: FUEMAV30
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date*: 15/02/2024
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF / *Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates*

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of Component Securities and Cash Component*:

STT <i>Order</i>	Mã chứng khoán <i>Securities symbol</i>	Số lượng <i>Volume</i>	Tỷ lệ % trong danh mục <i>Weighting</i>
I.	Chứng khoán/ <i>Stock</i>		
1	ACB	4100	8.0%
2	BCM	100	0.4%
3	BID	300	1.0%
4	BVH	100	0.3%
5	CTG	900	2.2%
6	FPT	1200	8.8%
7	GAS	100	0.5%
8	GVR	200	0.4%
9	HDB	2500	4.1%
10	HPG	3700	7.2%
11	MBB	3300	5.4%
12	MSN	800	3.6%
13	MWG	1400	4.5%
14	PLX	100	0.2%
15	POW	500	0.4%
16	SAB	200	0.8%
17	SHB	3300	2.7%
18	SSB	1500	2.4%
19	SSI	1200	2.9%
20	STB	2200	4.8%
21	TCB	2700	7.0%
22	TPB	1500	1.9%
23	VCB	700	4.4%
24	VHM	1300	3.8%
25	VIB	1500	2.3%
26	VIC	1300	3.8%
27	VJC	300	2.2%
28	VNM	1000	4.7%
29	VPB	5500	7.5%
30	VRE	1000	1.5%
II.	Tiền / <i>Cash (VND)</i>	2,859,165	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Difference between a basket and one lot of ETF in value*:
 - + Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket value*: 1,435,070,000 VND
 - + Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF*: 1,437,929,165 VND
 - + Giá trị chênh lệch (nếu có)/ *Spread in value*: 2,859,165 VND
 - + Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch (nếu có)/ *Plan to reduce the spread*:
 - Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ *For creation order*: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*
 - Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *For redemption order*: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*
- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/ *In case, stock can be replaced by cash, state reason*:

